

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HSST

Ngày: 24/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tấn Bình;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần T (Tên gọi khác: B), sinh năm 1999 tại Lâm Đồng; nơi thường trú: Thôn B, xã B, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đỗ (đã chết) và bà Phạm Thị P; tiền án: không; tiền sự: Bản án số 11/2025/HSST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, Bình Thuận xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án phạt tù vào ngày 13/8/2025; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2026 cho đến nay; có mặt.

2. Lý T1 sinh năm 2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: ấp T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: P, nhà trọ 47B, Tổ C, Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Ngọc T1 và bà Tân Kim H (đã chết); tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2026 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Lê Hữu Quốc H1, sinh năm 2003; nơi thường trú: 1/155 Đ, phường P, Thành phố H; nơi đăng ký tạm trú: Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Ông Hoàng Tô N, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Ngô Thị A, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1956; nơi thường trú: Khóm A, xã C, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

+ Ông Lê Hữu Quốc T2, sinh năm 1979; nơi thường trú: 1/155 Đ, phường P, Thành phố H; nơi đăng ký tạm trú: Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1980; nơi thường trú: thôn B, xã B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

+ Bà Lý Thị Kim N1, sinh năm 1991; nơi thường trú: Tổ A, khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: E khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

+ Ông Lý Ngọc T1, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Ông Lê Ngọc T3, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần T và Lý Thành Đ có mối quan hệ bạn bè, cả hai cùng thuê phòng trọ sống chung tại phòng trọ số F thuộc ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 03/01/2026, T và Đ mua rượu về phòng trọ ngồi uống cùng nhau, T thấy Lê Hữu Quốc H1 (ở cùng dãy trọ với T và Đ) nên rủ H1 cùng vào nhậu nhưng bị H1 từ chối. Đến khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, T đi ra trước thấy H1 ngồi ở ghế đá, do bức tức vì trước đó rủ nhậu nhưng H1 từ chối nên T nói với Đ cùng nhau đánh H1. T gọi H1 lại phòng trọ của T, khi H1 đi lại thì Đ nắm cổ áo H1 kéo vào trong phòng. T ngồi xuống hỏi H1 “*cái người hay nói chuyện điện thoại và mở tiktok lớn phải ba mày không*”, H1 nói “*không phải*” thì T nói “*phải mày không*” rồi cầm một cái ly thủy tinh (loại có quai dùng để uống bia) đứng dậy tiến tới đập lên đầu H1 một cái theo hướng từ trên xuống. Lúc này, Đ đứng sau lưng H1 tiến sát ôm giữ H1 ở phía sau và ghì chặt H1 xuống dưới nền phòng trọ, trong lúc đó T lấy con dao dài khoảng 35cm dùng để nấu ăn ở dưới bếp chạy đến đứng gần H1, dùng tay cầm dao chém từ trên xuống hai cái vào phía gần đỉnh đầu H1, H1 vùng vẫy và đưa tay trái lên đỡ thì T chém liên tiếp 02 đến 03

nhất trúng tay H1. H1 bỏ chạy ra ngoài trước thì Đ đuổi theo chụp được cổ áo phía sau của H1, T cầm theo dao đuổi theo H1 nhưng H1 bỏ chạy về tới phòng trọ của H1 ở phòng số 9. Tại đây, cha của H1 giật con dao trên tay T và khoá cửa lại thì T và Đ ở ngoài chửi bới, đập cửa một lúc rồi quay về phòng. Do lo sợ gây thương tích cho H1 nên T và Đ đã bỏ trốn. Đ điều khiển xe gắn máy của Đ hiệu Dream màu nâu biển số 51Y2-8382 đi về nhà ở T, còn T đi bộ xuống đường theo hướng về chợ xã P. Khi đi đến trước nhà số H đường T, tổ B, ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, T phát hiện một xe gắn máy hiệu Sirius màu đen – vàng biển số 64G1-055.91 dựng ở trước nhà không có người trông coi, có gắn sẵn chìa khoá nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô để bỏ trốn. T lại gần xe mô tô, ngồi trên xe đẩy lùi ra ngoài rồi nổ máy xe bỏ chạy về đường A thuộc xã P để di chuyển theo hướng đường T - P. Do không biết đường nên khi T điều khiển xe mô tô đến gần vòng xoay trên đường tạo lực thuộc ấp T thì xe hết xăng nên T đẩy bộ sau đó bị lực lượng Công an xã P phát hiện bắt giữ.

Vật chứng bị thu giữ:

- 01 áo khoác màu đen dài tay (của Trần T).
- 01 quần Jean đùi dài ngang đầu gối màu đen (của Trần T).
- 01 áo thun ngắn tay màu xám, trước ngực có chữ PHOTO FEST'S (của Trần T).
- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu vàng – đen, biển số 64G1-055.91.
- 01 áo sơ mi màu trắng (của Lý Thành Đ).
- 01 quần kaki dài ngang đầu gối màu đen (của Lý Thành Đ).
- 01 con dao dài khoảng 35 cm.
- Nhiều mảnh vỡ ly thủy tinh.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12c màu xanh.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu trên và không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Kết luận giám định tổn thương có thể trên người sống số 02/2026/KLTTCT-PYHCM-CS2 ngày 09/01/2026, Trung tâm pháp y Sở tế Thành phố H kết luận: Sẹo vùng đỉnh đầu 8 x 0,2 cm, có tỷ lệ tổn thương cơ thể 02% (Hai phần trăm); 02 sẹo vùng mặt sau cổ tay trái 1 x 0,1cm và 2,3 x 0,1 cm, có tỷ lệ tổn thương cơ thể 01% (một phần trăm) và 01% (một phần trăm); Sẹo vùng mu bàn tay trái 2,5 x 0,1 cm, có tỷ lệ thương cơ thể 01% (một phần trăm). Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của: Lê Hữu Quốc H1 tại thời điểm giám định là: 05% (năm phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích: Sẹo vùng đỉnh đầu: Sẹo bờ không sắc gọn, khả năng do vật tày có cạnh gây ra; 02 sẹo vùng mặt sau cổ tay

trái và sẹo vùng mu bàn tay trái: Sẹo bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra. Các thương tích này khả năng không nguy hiểm đến tính mạng. Các thương tích này không ảnh hưởng đến thẩm mỹ. Hiện tại chưa có tài liệu, văn bản y tế nào quy định về cô tật nên về nội dung này chúng tôi không nhận định.

Kết luận giám định số 1945/KL-KTHS ngày 30/01/2026, Phòng K Công an Thành phố H kết luận: mẫu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) Phụ lục 5 “danh mục dao có tính sát thương cao” nêu trong Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ A1.

Kết luận định giá tài sản số 10/KL-KTHS ngày 03/02/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng xã P kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen vàng biển số 64G1- 055.91, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá tháng 01/2026, trị giá 5.833.000 đồng.

Cáo trạng số 138/CT-VKS ngày 28 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134, tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 của Bộ H2 năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024, 2025). Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lý Thành Đ về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại các điểm a, i, khoản 1 Điều 134 của Bộ H2 năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024, 2025).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 58, điểm a, i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 304 Bộ Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần T từ 09 (chín) tháng đến 10 (mười) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (một) năm 03 (ba) tháng 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lý Thành Đ từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử lý vật chứng:

Áo khoác màu đen dài tay (của Trần T), 01 quần Jean đùi dài ngang đầu gối màu đen (của Trần T), 01 áo thun ngắn tay màu xám, trước ngực có chữ PHOTO FEST’S (của Trần T) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12c màu xanh là tài sản của bị cáo T nên Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho hai bị cáo T; 01 áo sơ mi màu trắng (của Lý Thành Đ), 01 quần kaki đùi ngang đầu gối màu đen (của Lý Thành Đ) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen là

tài sản cá nhân của bị cáo Đ nên Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại trả lại cho bị cáo Đ.

01 Con dao dài khoảng 35 cm và nhiều mảnh vỡ ly thủy tinh là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu vàng – đen, biển số 64G1-055.91, đối với xe mô tô trên ngày 27/02/2026, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Ngô Thị A để tiếp tục quản lý, sử dụng (bà A là người được bà Nguyễn Thị P1, chủ sở hữu hợp pháp ủy quyền giải quyết vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại H1 số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo Đ tác động gia đình bồi thường cho bị hại H1 số tiền 7.000.000 đồng. Bị hại H1 đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về các kết luận giám định, kết luận định giá, quyết định truy tố, luận tội của Viện kiểm sát.

Các bị cáo trình bày lời sau cùng: các bị cáo đã biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai tại phiên tòa ngày hôm nay. Do vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 03/01/2026 tại phòng trọ số F thuộc nhà trọ tổ C, ấp A, xã P Thành phố Hồ Chí Minh, xuất phát từ việc bị cáo Trần T rủ nhục nhưng bị hại Lê Hữu Quốc H1 từ chối nên các bị cáo Trần T và Lý Thành Đ bàn bạc với nhau đánh dần mặt H1. Trong đó, Lý Thành Đ có hành vi ôm, giữ H1 từ phía sau để T sử dụng 01 ly thủy tinh và 01 con dao dài khoảng 35cm chém vào vùng đầu, cổ và mu bàn tay trái của bị hại H1 gây nên thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 5% (thương tích do ly gây ra vùng đỉnh đầu 2% và thương tích do dao gây ra vùng mặt sau cổ tay trái và mu bàn tay trái 3%). Hành vi của bị cáo Trần T và bị cáo Lý Thành Đ đã

đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024, 2025). Sau khi gây thương tích cho H1, bị cáo Trần T đi bộ xuống khu vực chợ P2 phát hiện có 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu đen vàng biển số 64G1-055.91 dựng trước nhà số H đường T, tổ B, ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, chìa khóa cắm sẵn trên xe, không có người trông coi nên bị cáo T đã lên lút chiếm đoạt xe mô tô trên của ông Hoàng Tô N, định giá xe mô tô trên có giá trị 5.833.000 đồng. Hành vi của Trần T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và 2025). Đối với hành vi của bị cáo Trần T khi sử dụng 01 con dao có tay cầm bằng gỗ dài 12,3cm, lưỡi bằng kim loại, một cạnh sắc, dài 21,6 cm, rộng 5 cm, qua giám định thuộc phụ lục 5 “danh mục dao có tính sát thương cao” theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ A1 để gây thương tích cho bị hại Lê Hữu Quốc H1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể 3% đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và 2025). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lý Thành Đ với tội danh “Cố ý gây thương tích”, truy tố bị cáo Trần T với tội danh “Cố ý gây thương tích”, “Trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” với điều khoản như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết việc dùng ly và dao hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Hậu quả là bị cáo đã làm cho bị hại bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 5%. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Trần T là hành vi nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Bên cạnh đó, bị cáo T dùng dao thuộc Phụ lục 5 “danh mục dao có tính sát thương cao” nêu trong Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ A1 gây thương tích cho người khác với tỷ lệ tổn thương cơ thể 3%, hành vi của bị cáo xâm phạm việc quản lý, sử dụng vũ khí của nước, gây hoang mang, lo sợ cho người dân. Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024 và 2025).

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2024 và năm 2025). Bị cáo Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2024 và năm 2025).

[6] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Áo khoác màu đen dài tay; 01 quần Jean đùi dài ngang đầu gối màu đen, 01 áo thun ngắn tay màu xám, trước ngực có chữ PHOTO FEST'S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen là tài sản cá nhân của bị cáo Trần T nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T; 01 áo sơ mi màu trắng, 01 quần kaki dài ngang đầu gối màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12c màu xanh là tài sản cá nhân của bị cáo Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Đ.

01 Con dao dài khoảng 35 cm và nhiều mảnh vỡ ly thủy tinh là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu vàng – đen, biển số 64G1-055.91 đứng tên bà Nguyễn Thị P1, bà P1 đã giao lại chiếc xe trên cho ông Hoàng Tô N (con rể bà P1) quản lý và sử dụng. Ngày 27/02/2026, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại xe cho ông Hoàng Tô N. Ông N đã nhận lại xe và không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã tác động gia đình (ông D là anh của bị cáo T) bồi thường cho bị hại H1 số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo Đ tác động gia đình (bà N1 là chị của bị cáo Đ) bồi thường cho bị hại H1 số tiền 7.000.000 đồng. Bị hại H1 đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác, ông D và bà N1 không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các điểm a, i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024 và 2025) đối với bị cáo Trần T.

Các điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024 và 2025) đối với bị cáo Lý Thành Đ.

Điều 46, Điều 47, Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 260, Điều 268, Điều 269 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần T phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tuyên bố bị cáo Lý Thành Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trần T 10 (mười) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Tổng hợp hình phạt của 03 (ba) tội buộc bị cáo Trần T phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05 tháng 01 năm 2026.

Xử phạt bị cáo Lý Thành Đ 1 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05 tháng 01 năm 2026.

2. Về Xử lý vật chứng:

Trả lại: 01 (một) áo khoác màu đen dài tay (đã qua sử dụng), 01 (một) quần Jean đùi dài ngang đầu gối màu đen (đã qua sử dụng), 01 (một) áo thun ngắn tay màu xám, trước ngực có chữ PHOTO FEST'S (đã qua sử dụng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen (máy bị vỡ màn hình, tại thời điểm giao nhận máy không hoạt động không kiểm tra được số imei) cho bị cáo Trần T; trả lại 01 (một) áo sơ mi màu trắng (đã qua sử dụng), 01 (một) quần kaki dài ngang đầu gối màu đen (đã qua sử dụng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12c màu xanh (model: 22120RN86G, tại thời điểm giao nhận máy không hoạt động không kiểm tra được số imei) cho bị cáo Lý Thành Đ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi niêm phong PS1 mã số: 24027337 có chữ ký của ĐTV Trịnh Mạnh T4, cán bộ Đoàn Quyết T5 và hình dấu mộc tròn của Phòng thuật hình sự Công an T bên trong có chứa 01 (một) dụng cụ, có tay cầm bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại và 01 (một) túi nilong đựng nhiều mảnh vỡ ly thủy tinh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29-4-2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai